

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THUẬN AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/KDTM-ST  
Ngày: 24-6-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng  
tín dụng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huệ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Thiện;
2. Bà Huỳnh Ngọc Sương.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Cảnh Khang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Văn Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 07/2020/TLST-KDTM ngày 13 tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 5 năm 2020 giữa:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP A; trụ sở: Tầng 8, văn phòng số L8-01-11+16, Tòa nhà C, số 72 B, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Võ Thế H, sinh năm 1988; địa chỉ: 843/42 Nguyễn K, phường 3, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh - là đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 27/11/2019, có mặt.

*Bị đơn:* Công ty TNHH B; địa chỉ trụ sở chính: Số 23 đường D11, khu dân cư N, khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Lê Văn V, sinh năm 1984; nơi thường trú: Xóm A, xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa - là đại diện theo pháp luật, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 11 năm 2019, quá trình tố tụng và lời khai tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - ông Võ Thế H trình bày:

Công ty TNHH B (gọi tắt là Công ty) đã được Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh Quận P (gọi tắt là Ngân hàng) xét cấp tín dụng số tiền 2.326.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm hai mươi sáu triệu đồng) gồm các hợp đồng tín dụng sau:

Ngày 20 tháng 8 năm 2015 Công ty TNHH B và Ngân hàng đã ký kết hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201501579, theo đó Ngân hàng đã giải ngân theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1402-LDS-20150 2673 ký cùng ngày, số tiền vay 240.000.000 đồng, mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe Somi Romoóc CIMC. Thời hạn vay 60 tháng (từ ngày 20/8/2015 đến ngày 20/8/2020). Lãi suất cho vay: 11%/năm trong năm đầu, từ năm thứ 2 trở đi lãi suất điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần và bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng +3%/năm. Chu kỳ thay đổi lãi suất 01 tháng/lần. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay. Tài sản đảm bảo thế chấp là 01 Somi Romoóc CIMC, màu sơn: Xanh, số khung 2385F2008043, biển số 61R-012.12 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty TNHH B theo giấy chứng nhận đăng ký Rơ moóc, Somi Romoóc số 000413 do phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 18 tháng 8 năm 2015. Từ ngày 27 tháng 5 năm 2018 Công ty TNHH B đã vi phạm việc thanh toán tại hợp đồng tín dụng trên. Ngày 11/11/2019 Công ty TNHH B đã thanh toán được số tiền gốc 20.000.000 đồng, đến ngày 18/3/2020 thanh toán thêm được số tiền gốc 72.000.000 đồng, tổng cộng: 92.000.000 đồng và tất toán hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201501579 ngày 20/8/2015 trên đồng thời giải chấp tài sản đảm bảo là 01 Somi Romoóc CIMC, màu sơn: Xanh, nhãn hiệu CIMC, tải trọng: 32045 kg, số khung 2385F2008043, biển số 61R-012.12.

Ngày 07 tháng 10 năm 2015 Công ty TNHH B và Ngân hàng ký tiếp hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201501903, theo đó Ngân hàng đã giải ngân theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1402-LDS-201503199 ký cùng ngày, số tiền vay 2.086.000.000 đồng, mục đích vay: Thanh toán tiền mua 02 xe đầu kéo International và 02 Somi Romoóc CIMC. Thời hạn vay 60 tháng (từ ngày 07/10/2015 đến ngày 07/10/2020). Lãi suất cho vay: 11%/năm trong năm đầu, từ năm thứ 2 trở đi lãi suất điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần và bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng +3%/năm. Chu kỳ thay đổi lãi suất 01 tháng/lần. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay. Tài sản đảm bảo thế chấp gồm: Xe ô tô đầu kéo, nhãn hiệu INTERNATIONAL, số khung: 3HSDJSJR4CN655420, số máy 125HM2Y4128803, số loại: PROSTAR, màu sơn: Trắng; dung tích xi lanh 12405, tải trọng 14956, biển số 61C-176.87; xe ô tô đầu kéo, nhãn hiệu INTERNATIONAL, số khung: 3HSDJSJR6CN601584, số máy 125HM2Y4118136, biển số 61C-176.96; Somi Romoóc CIMC, loại xe: SMRM chở container, nhãn hiệu CIMC, màu sơn: Xanh, số khung LJRC12387F2008044, biển số 61R-012.71 và Somi Romoóc CIMC, nhãn hiệu CIMC, số khung LJRC12389F2008045, biển số 61R-012.95. Ngày 24/5/2018 Công ty TNHH B đã giải chấp hai tài sản gồm: Xe ô tô đầu kéo, nhãn hiệu INTERNATIONAL, số khung: 3HSDJSJR6CN601584, số máy 125HM2Y4118136, biển số 61C-176.96 và Somi Romoóc CIMC, nhãn hiệu CIMC, số khung LJRC12389F2008045, biển số 61R-012.95. Từ ngày 07 tháng 6 năm 2018 Công ty TNHH B đã vi phạm việc thanh toán tại hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201501903 ngày 07/10/2015.

Tính đến ngày 24 tháng 6 năm 2020 Công ty TNHH B còn nợ tiền gốc là 497.000.000 đồng và tiền lãi 149.922.384 đồng (lãi trong hạn: 102.517.980 đồng, tiền lãi quá hạn là: 47.404.404 đồng), tổng cộng 646.922.384 đồng tại hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201501903 ngày 07/10/2015. Tài sản bảo đảm cho khoản vay tại hợp đồng

trên hiện nay gồm: Một Xe ô tô đầu kéo, nhãn hiệu INTERNATIONAL, số khung: 3HSDJSJR4CN655420, số máy 125HM2Y4128803, số loại: PROSTAR, màu sơn: Trắng; dung tích xi lanh 12405, tải trọng 14956, biển số 61C-176.87 và một Sômi Romoóc CIMC, loại xe: SMRM chở container, nhãn hiệu CIMC, màu sơn: Xanh, số khung LJRC12387F2008044, biển số 61R-012.71. Do đó, tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc 497.000.000 đồng và tiền lãi 149.922.384 đồng, tổng cộng 646.922.384 đồng tại hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201501903 ngày 07 tháng 10 năm 2015 và quyền phát mãi tài sản theo quy định.

Ngoài ra Công ty TNHH B phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201501903 ngày 07/10/2015 kể từ ngày 25/6/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp sau khi phát mãi tài sản bảo đảm nêu trên mà Công ty TNHH B vẫn chưa trả hết nợ thì Công ty TNHH B vẫn phải tiếp tục trả hết số nợ còn lại.

Bị đơn Công ty TNHH B không có văn bản trình bày và không tham gia tố tụng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành pháp luật chưa đầy đủ.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu tài liệu có tại hồ sơ vụ án, thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ biên bản xác minh ngày 16 tháng 01 năm 2020 và theo công văn số 115/ĐKKD ngày 10/02/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cung cấp bị đơn có địa chỉ trụ sở tại số 23 đường D11, khu dân cư N, khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ theo các hợp đồng tín dụng. Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung khởi kiện: Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền tính đến ngày 24 tháng 6 năm 2020 gồm: Số tiền gốc 497.000.000 đồng và tiền lãi 149.922.384 đồng (lãi trong hạn: 102.517.980 đồng, tiền lãi quá hạn là: 47.404.404 đồng), tổng cộng 646.922.384 đồng tại hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201501903 ngày 07/10/2015 và quyền phát mãi tài sản là một xe ô tô đầu

kéo, nhãn hiệu INTERNATIONAL, số khung: SJR4CN655420, số máy 5HM2Y4128803, biển số 61C-176.87 và một Somi Romoóc CIMC, nhãn hiệu CIMC, số khung LJRC12387F2008044, màu sơn: Xanh, biển số 61R-012.71. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201501903 ngày 07/10/2015, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền 646.922.384 đồng, trong đó nợ gốc là 497.000.000 đồng, nợ lãi 149.922.384 đồng (lãi trong hạn: 102.517.980 đồng, tiền lãi quá hạn là: 47.404.404 đồng). Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201501903 ngày 07/10/2015; hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1402-LDS-201503199 ngày 07/10/2015; hợp đồng thế chấp số 444/2015/KIO/HĐBĐ ngày 12/10/2015 và đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên ngày 12/10/2015; giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận đăng ký Romoóc, Somi Romoóc. Căn cứ vào các chứng cứ nêu trên thì bị đơn đã nhận đủ số tiền 2.086.000.000 đồng, mục đích vay: Thanh toán tiền mua 02 xe đầu kéo International và 02 Somi Romoóc CIMC. Thời hạn vay 60 tháng (từ ngày 07/10/2015 đến ngày 07/10/2020). Lãi suất cho vay: 11%/năm trong năm đầu, từ năm thứ 2 trở đi lãi suất điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần và bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng +3%/năm. Chu kỳ thay đổi lãi suất 01 tháng/lần. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay. Tài sản đảm bảo thế chấp hiện nay còn lại gồm: Xe ô tô loại xe đầu kéo, nhãn hiệu INTERNATIONAL, số khung: SJR4CN655420, số máy 5HM2Y4128803, số loại: PROSTAR, màu sơn: Trắng; dung tích 12405, tải trọng 14956, biển số 61C-176.87 và một Somi Romoóc CIMC, nhãn hiệu CIMC, số khung LJRC12387F2008044, biển số 61R-012.71.

Trong quá trình thanh toán hợp đồng trên bị đơn đã trả cho nguyên đơn được số tiền gốc 1.589.000.000 đồng và tiền lãi 453.200.000 đồng, từ ngày 07/6/2018 bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vay gốc và lãi là có căn cứ.

[6] Đối với tiền lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn là phù hợp Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 7 Nghị quyết 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đối với yêu cầu của nguyên đơn phát mãi tài sản thế chấp là một xe ô tô loại xe đầu kéo, nhãn hiệu INTERNATIONAL, số loại: PROSTAR, màu sơn: Trắng, dung tích xi lanh 12405, số máy 125HM2Y4128803, số khung: 3HSDJSJR4CN655420, biển số 61C-176.87 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 019248 do phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 09 tháng 10 năm 2015 cho Công ty TNHH B và một Somi Romoóc CIMC, loại xe: SMRM chở container, nhãn hiệu CIMC, màu sơn: Xanh, số khung LJRC12387F2008044, biển số 61R-012.71 theo giấy chứng nhận đăng ký Rơ moóc, Somi Rơ moóc số 000490 do phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 06 tháng 10 năm 2015 cho Công ty TNHH B để thu hồi toàn bộ khoản nợ vay là phù hợp. Vì căn cứ Điều 7 hợp đồng thế chấp ngày 12/10/2015 thỏa thuận khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền xử lý tài sản thế chấp, thỏa thuận tại hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 318, Điều 319, Điều 323 của Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy nguyên đơn được quyền phát mãi tài sản thế chấp là phù hợp quy định pháp luật.

Trường hợp sau khi phát mãi tài sản bảo đảm nêu trên mà Công ty TNHH B vẫn chưa trả hết nợ thì Công ty TNHH B vẫn phải tiếp tục trả hết số nợ còn lại.

[8] Căn cứ Điều 8 Nghị quyết 01/2019 ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao bị đơn còn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn các khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng tín dụng 1402-LAV-201501903 ngày 07/10/2015 kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Từ nhận định trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả nợ theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Điều 30; Điều 35; Điều 36; Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 227, Điều 228; khoản 1 Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 318, Điều 319, Điều 323, Điều 463, Điều 466 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A đối với bị đơn Công ty TNHH B.

Buộc Công ty TNHH B phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền 646.922.384 đồng, trong đó nợ gốc 497.000.000 đồng, nợ lãi 149.922.384 đồng (lãi trong hạn 102.517.980 đồng, tiền lãi quá hạn 47.404.404 đồng) tại hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201501903 ngày 07 tháng 10 năm 2015.

Kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2020 Công ty TNHH B phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam các khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201501903 ngày 07 tháng 10 năm 2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Về phát mãi tài sản: Trường hợp Công ty TNHH B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp gồm: Một xe ô tô loại xe đầu kéo, nhãn hiệu INTERNATIONAL, số loại: PROSTAR, màu sơn: Trắng, dung tích xi lanh 12405, số máy 125HM2Y4128803, số khung: 3HSDJSJR4CN655420, tự trọng 8515, tải trọng 14956, trọng lượng kéo theo 36855, biển số 61C-176.87 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 019248 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 09 tháng 10 năm 2015 cho Công ty

TNHH B và một Sômi Rơmoóc CIMC, loại xe: SMRM chở container, nhãn hiệu CIMC, màu sơn: Xanh, số khung LJRC12387F2008044, tự trọng 6300, tải trọng 32045, biển số 61R-012.71 theo giấy chứng nhận đăng ký Rơ moóc, Sômi Rơ moóc số 000490 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 06 tháng 10 năm 2015 cho Công ty TNHH B để thu hồi nợ.

Trường hợp sau khi phát mãi tài sản bảo đảm nêu trên mà Công ty TNHH B vẫn chưa trả hết nợ thì Công ty TNHH B vẫn phải tiếp tục trả hết số nợ còn lại.

Sau khi Công ty TNHH B hoàn thành nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng thương mại cổ phần A có trách nhiệm trả 01 (một) bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 019248 cấp ngày 09 tháng 10 năm 2015 và 01 (một) bản chính giấy chứng nhận đăng ký Rơ moóc, Sômi Rơ moóc số 000490 cấp ngày 06 tháng 10 năm 2015 đều do phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH B.

## **2. Án phí dân sự sơ thẩm:**

Công ty TNHH B phải chịu 29.876.895 đồng (hai mươi chín triệu, tám trăm bảy mươi sáu nghìn tám trăm chín mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.162.690 đồng (mười sáu triệu một trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm chín mươi đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0046065 ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Huệ**